

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 299/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa những người yêu cầu:

- Bà **Trần Thị Kim D** - sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: 376-378 đường 2, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hiện trú tại: 393 đường Đ, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Ông **Phạm Hoài T** - sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: 376-378 đường 2, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hiện trú tại: 71 đường N, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 21 tháng 9 năm 2017;

XÉT THẤY

- Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 21 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà **Trần Thị Kim D** - sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: 376-378 đường 2, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hiện trú tại: 393 đường Đ, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Ông **Phạm Hoài T** - sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: 376-378 đường 2, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hiện trú tại: 71 đường N, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phạm Hoài T** và bà **Trần Thị Kim D** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông **Phạm Hoài T** và bà **Trần Thị Kim D** thống nhất ông bà có hai con chung tên là:

- **Phạm Hải T**; sinh ngày 17/6/2009.

- **Phạm Huyền K**; sinh ngày 20/12/2011.

Ly hôn, ông T và bà D thống nhất bà Trần Thị Kim D sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung nêu trên và ông Phạm Hoài T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung : Ông Phạm Hoài Tr và bà Trần Thị Kim D thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Hoài T và bà Trần Thị Kim D thống nhất vợ chồng không có nợ chung

- Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông T và bà D phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp theo biên lai thu số 009731 ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông T và bà D đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSNDQ. Hải Châu.
- CCTHADSQ. Hải Châu
- UBNDphường B;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà